

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2020/HS-ST

Ngày: 16/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Mỹ

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ràng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 53/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp HC, xã SH, huyện CT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; Vợ: Đoàn Thị Tuyết Nh, sinh năm: 1983; Con: có 02 người con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/3/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy Kh:* Luật sư Nguyễn Nhật N – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Duy Kh:*

- Nguyễn Văn D, sinh năm 1961; (Vắng mặt)

- Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp HC, xã SH, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

** Người chứng kiến:*

- Lê Thành Đ, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: ấp MĐ, xã MT (nay là xã BP), thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Nguyễn Thanh B, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Ấp A, xã BH, huyện GT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 22 giờ 45 phút ngày 11/01/2020, lực lượng Công an xã Mỹ Thành (nay là xã Bình Phú), thành phố Bến Tre tuần tra trên tuyến đường thuộc ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành (nay là xã Bình Phú), thành phố Bến Tre thì phát hiện Nguyễn Thanh Bình đang điều khiển xe mô tô biển số 71K7-8872 chở phía sau Nguyễn Duy Kh có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu Bình dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra, lực lượng tuần tra phát hiện Kh đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên tiến hành lập biên bản vụ việc, thu giữ tang vật và bàn giao cho lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- Thu trong túi quần bên phải, phía trước Kh đang mặc: 01 bao thuốc lá hiệu SCOTT, bên trong có 01 túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía trên có rãnh khếp, bên trong túi nylon chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký, ghi tên của Nguyễn Duy Kh, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Hải Đăng Khoa, Phạm Hữu Tín, Lê Thanh Điền, Hoàng Quốc Huy và dấu tròn màu đỏ của Công an xã Mỹ Thành, thành phố Bến Tre).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SAVAHA, màu xanh-trắng, biển số 71K7-8872, số máy: P52FMHK-000085; số khung: WCH0B4UM-000085.

Theo kết luận giám định số 05/2020/GĐMT ngày 16/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng 0,3645 gam.

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 255/KL-VPYTW ngày 27/5/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận đối với Nguyễn Duy Kh:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07.8-ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSTPBT ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Kh về tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Kh từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định;

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì được niêm phong số 05/2020 có chữ ký và ghi tên Trần Duy Chuyên, Phan Trung Trực và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre; 01 bao thuốc lá hiệu SCOTT.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SAVAHA, màu xanh-trắng, biển số 71K7-8872, số máy: P52FMHK-000085; số khung: WCH0B4UM-000085 giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre xác minh nguồn gốc và xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thanh B khi chở Kh không biết bị cáo có cất giấu trái phép chất ma túy nên không truy cứu trách nhiệm.

Bị cáo Nguyễn Duy Kh khai nhận túi nylon có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng mà lực lượng Công an thu giữ nêu trên là ma túy của bị cáo Kh cất giấu để sử dụng. Bị cáo có được là do vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 11/01/2020, khi Nguyễn Thanh Bình điều khiển xe mô tô biển số 71K7-8872 chở bị cáo Kh ngang qua tiệm game bắn cá ở xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, bị cáo Kh đã vào tiệm game mua của một người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 300.000 đồng. Sau khi mua xong, bị cáo Kh cất túi ma túy vừa mua vào túi quần bên phải, phía trước của bị cáo đang mặc rồi ra xe cho Bình chở về xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, nhưng khi đến đoạn thuộc ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành (nay là xã Bình Phú), thành phố Bến Tre thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện và thu giữ tang vật. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Người bào chữa cho bị cáo Kh trình bày: Đồng tình với nội dung truy tố bị cáo Kh về tội danh điều luật áp dụng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Kh bà Nguyễn Thị M trình bày: Lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa do bị cáo tự trình bày không ai ép buộc khai. Trước đó do bị cáo Kh bị tai nạn giao thông nên có biểu hiện bị bệnh về thần kinh. Bà đồng tình với quan điểm trình bày của người bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của người chứng kiến bị cáo không có ý kiến gì, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt người chứng kiến. Xét việc vắng mặt của người chứng kiến không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người chứng kiến là phù hợp.

[2] Bị cáo Kh có lời khai tại phiên tòa phù hợp với biên bản sự việc ngày 11/01/2020, lời khai của người chứng kiến, phù hợp với kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Kh đã có hành vi cất giấu trái phép 0,3645 gam ma túy, loại Methamphetaminedể sử dụng.

[3] Bị cáo Kh là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn mua và cất giấu ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo Kh có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Kh được hưởng là “Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, bị cáo có bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng và có 02 bác là liệt sĩ theo quy định tại các điểm q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Lời bào chữa của người bào chữa đồng ý tội danh truy tố, điều luật áp dụng và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo Kh là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là chưa đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 phong bì chứa ma túy là vật Nhà nước cấm lưu hành và 01 bao thuốc lá hiệu SCOTT dùng để tàng trữ ma túy nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SAVAHA, màu xanh-trắng, biển số 71K7-8872, số máy: P52FMHK-000085; số khung: WCH0B4UM-000085 chưa rõ nguồn gốc chủ sở hữu nên giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

[10] Đối với Nguyễn Thanh B đi cùng xe mô tô với bị cáo Kh nhưng không biết bị cáo Kh cất giấu ma túy nên không xử lý đối với B là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Kh phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Kh phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Duy Kh 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì được niêm phong số 05/2020 có chữ ký và ghi tên Trần Duy Chuyển, Phan Trung Trực và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre; 01 (một) bao thuốc lá hiệu SCOTT.

- Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SAVAHA, màu xanh-trắng, biển số 71K7-8872, số máy: P52FMHK-000085; số khung: WCH0B4UM-000085 tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc và xử lý theo thẩm quyền.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/7/2020 hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Duy Kh phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được kháng cáo trong hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã SH, huyện CT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình